

Bản án số: 47/2024/HS-PT
Ngày: 14 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ

Các Thẩm phán: Bà Trần Thanh Ngân

Bà Đào Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 81/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Lê T, Mai P, Trần Đ và Tô PHdo có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2023/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Đ, sinh năm 1970 tại thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H (chết) và bà Ngô T (chết); có chồng là Lê HD và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994); tiền án: Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 21/11/2014 bị Công an phường IV, thành phố V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” số tiền 1.500.000 đồng. Ngày 30/10/2015 bị Toà án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc tại Bản án số 122/2015/HS-PT, chấp hành xong ngày 23/5/2016. Bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2022 đến ngày 06/6/2022 chuyển tạm giam. Đến ngày 04/7/2022 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, đến ngày 07/9/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

2. Mai P, sinh năm 1965 tại thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp Q, xã R, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nơi ở hiện tại: Khu vực 5, phường VII, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai K (chết) và bà Bùi C (chết); có chồng là Đoàn T và 02 người con (lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1989); tiền án: Không; tiền sự: 01. Ngày 24/9/2020 bị Ủy ban nhân dân thành phố V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa bạc” số tiền 7.500.000 đồng, bị cáo nộp phạt ngày 07/07/2023, chưa được xóa tiền sự. Bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2022 đến ngày 06/6/2022 chuyển tạm giam. Đến ngày 04/7/2022 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, đến ngày 07/9/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

3. Lê T, sinh năm 1996 tại thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê L và bà Mai M; chồng: Không có; có 01 người con (sinh năm 2021); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

4. Tô PH, sinh năm 1973 tại thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M (chết) và bà Tô T; chồng, con: Không có; tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 12/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Kiên Giang xử phạt 35.000.000 đồng về tội Đánh bạc tại Bản án số 62/2019/HS-ST, bị cáo chưa chấp hành xong. Bị cáo tại ngoại.

Ngoài ra, còn có 23 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 28/05/2022, tại ấp 1, xã Q, thành phố V, Đội CSĐTTP về TTXH Công an thành phố V bắt quả tang tại nhà Lê TB tổ chức đánh bạc bằng hình thức chơi bài ngẫu nhiên, bị cáo Ta bằng tiền. Tại hiện trường có mặt nhiều đối tượng và hai chiếu bạc đang sát phạt thắng, bị cáo Ta bằng tiền, gồm: Lê TB, Đỗ NG, Đỗ CH, Nguyễn KT, Phan B, Mai C, Trần Đ, Trần L, Mai P, Huỳnh M, Ngô P, Mai S, Lê VT, Nguyễn V, Nguyễn TH, Đỗ T, Nguyễn L, Lê T, Đỗ CL, Lê M, Tô T1, Huỳnh N, Đỗ TR, Đỗ A, Đỗ B, Nguyễn ND, Nguyễn NH, Nguyễn X, Nguyễn P, Hồ T.

Vật chứng bị cáo T giữ:

Chiếu bạc thứ 01 (vị trí trong phòng ngủ thứ 3): Tiền Việt Nam trên chiếu bạc: 18.000.000 đồng; Tiền xu bài: 1.700.000 đồng; 01 chiếu lát dùng để đánh bạc; 07 thảm vải dùng để lót ngồi đánh bạc; 01 bóng đèn chiếu sáng, hiệu Aluled có dây dẫn điện kèm theo; 01 rổ nhựa dùng để đựng vỏ bài đã qua sử dụng; 18 bộ bài tây, đã qua sử dụng; 20 bộ bài tây chưa qua sử dụng; 07 ca nhựa dùng để uống nước; 01 ca nhựa dùng để đựng tiền xu; 01 quạt gió điện.

Chiếu bạc thứ 02 (vị trí ở nhà bếp): 01 chiếu lát dùng để đánh bạc; 05 bộ bài tây, đã qua sử dụng; 15 bộ bài tây chưa qua sử dụng; 02 ca nhựa dùng để uống nước.

Tạm giữ xung quanh chiếu bạc: 01 Điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng, đã qua sử dụng (chưa xác định được chủ sở hữu).

Tài sản, đồ vật bị cáo T giữ, tạm giữ trên người gồm: Tổng số tiền tạm giữ trên người các đối tượng có mặt tại hiện trường là 434.560.000 đồng, 24 điện thoại di động. Ngoài ra bị cáo T giữ 17 xe mô tô.

Quá trình điều tra đã chứng minh được như sau:

1. Lê TB khai nhận: Lê TB với Đỗ NG chung sống như vợ chồng. Lê TB, NG dùng căn nhà tại ấp 1, xã Q, thành phố V để tổ chức cho các con bạc đến tham gia đánh bạc thắng, bị cáo Ta bằng tiền. Hình thức đánh bài ngẫu hằm, tính đến ngày bị bắt quả tang là hơn 01 tháng. B trực tiếp mua các đồ vật, dụng cụ phục vụ cho việc tổ chức đánh bạc gồm: bài tây 52 lá, đèn chiếu sáng, chiếu lát và thảm vải lót ngồi đánh bạc, ca nhựa dùng phục vụ nước uống. B, NG phục vụ ăn, uống. Khi ăn, uống xong các con bạc cho B, NG từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

B, NG bị cáo Tê Đỗ CH (anh ruột Ng) và Nguyễn KT (vợ Chung) để kiểm soát người vào ra, trông giữ xe, canh giới và canh đường. B phân công Chung ngồi ở vị trí phía trước cửa nhà B, có nhiệm vụ canh đường, canh giới. Khi “có khách” tức là các con bạc đến tham gia đánh bạc, nếu là người lạ thì Chung sẽ hỏi là ai? đi đâu? kiếm ai? sau đó gọi điện thoại thông báo cho B biết. B kiểm tra lại bằng cách kêu CH hỏi tên là gì? nếu con bạc nói tên quen thì B đồng ý cho vào, nếu tên lạ thì B sẽ trực tiếp đi ra bên ngoài để nhìn mặt, kiểm tra mới cho vào nhà.

Đối với Tiên, thì B phân công ngồi ở trong nhà NGy vị trí cánh cửa (lớp cửa) thứ hai. Khi có con bạc qua cửa thứ nhất đến cửa thứ hai, T nhìn ra qua lớp cửa kính để kiểm tra, nếu là người quen đã từng đến tham gia đánh bạc thì mở cửa cho vào và khóa cửa lại, nếu là người lạ thì báo lại cho B biết. Khi B nhìn qua lớp cửa kính kiểm tra thấy mặt quen hay lạ thì mới quyết định mở cửa cho

vào. Khi con bạc đến chơi khoảng 13 đến 14 giờ nghỉ, thì B trả cho Chung, Tiên mỗi người 200.000 đồng. Nếu chơi đến khoảng 17 đến 18 giờ thì trả cho mỗi người 300.000 đồng, lo luôn ăn uống.

Ngoài ra, B còn bị cáo T căn nhà của người tên “Dì Năm” cách nhà B khoảng 50 mét về hướng cầu Cái Tư để cất giữ xe của các con bạc. B giao ổ khóa, chìa khóa cửa nhà cho Chung giữ để quản lý xe của các con bạc.

Thể thức, cách chơi đánh bài ngẫu hằm gồm: 01 tụ cái và nhiều người đặt tụ tùy theo số lượng người chơi có trong chiếu bạc, mỗi tụ có 05 lá bài, tụ cái sẽ sát phạt với các tụ đặt, làm cái xoay vòng. Một người làm cái liên tiếp tối đa 05 ván bài rồi chuyển qua người kế bên tiếp tục làm cái, những người còn lại đặt tụ. Khi đến lượt làm cái mà không làm thì bỏ lượt chuyển qua cho người tiếp theo. Mức tiền đặt cược sát phạt từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng trên 01 ván bài.

Cách thức tổ chức đánh bạc và bị cáo T tiền xâu: Khi các con bạc đến tham gia đặt tụ ít, người làm cái phải xâu cho B số tiền 50.000 đồng. Khi số tụ đặt từ 07 – 08 tụ hoặc nhiều nhất là 10 tụ bài, thì người làm cái phải xâu cho B là 100.000 đồng. Đối với các con bạc tham gia đặt tụ, không làm cái thì B không buộc những người này phải xâu tiền, mà khi nào các con bạc này sát phạt có thắng thì sẽ cho tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. B, NG có mặt tại các chiếu bạc để quản lý ai làm cái, ai đặt tụ để bị cáo T tiền xâu. Lúc B, NG không có mặt tại chiếu bạc thì các con bạc tự bỏ tiền xâu vào cái ca nhựa được B, NG chuẩn bị sẵn. B, NG tổ chức đánh bạc với cách thức nêu trên khoảng hơn 01 tháng. Ngày 28/5/2022, khi B, NG cùng 02 đồng phạm đang tổ chức 02 chiếu bạc cho các con bạc sát phạt ăn tiền tại nhà thì bị lực lượng Đội CSĐTTP về TTXH Công an thành phố V bắt quả tang.

Tại chiếu bạc thứ 01 (phòng ngủ số 03) gồm Phan B, Mai C, Trần Đ, Trần L, Mai P, Ngô P, Mai S, Nguyễn V, Đỗ T, Huỳnh M, Nguyễn TH, Nguyễn L, Đỗ CL, Lê T, Tô PH, Lê M tham gia sát phạt với số tiền là 94.600.000 đồng. NG bị cáo T 1.700.000 đồng tiền xâu.

Tại chiếu bạc thứ 02 (khu vực bếp ăn) gồm Huỳnh N, Đỗ TR, Đỗ A, Đỗ B, Trần Việt Tú, Tiền Cọc, Lê VT tham gia sát phạt với số tiền 29.200.000 đồng. B bị cáo T 400.000 đồng tiền xâu.

2. Đồ NG khai nhận: Ng là người kêu CH, T đến nhà giúp sức cho B, NG tổ chức đánh bạc. B phân công việc canh gác, cảnh giới và giữ xe các con bạc cho Chung, Tiên. B mua và chuẩn bị các dụng cụ phục vụ cho việc tổ chức đánh bạc. Hằng ngày, NG và B cùng bị cáo T tiền xâu các con bạc bỏ vào ca nhựa. Khi B không có mặt thì NG lấy tiền xâu, đến cuối ngày khi các con bạc nghỉ đánh bạc thì cùng B kiểm tiền xâu và lấy số tiền này phục vụ chi phí sinh hoạt

gia đình. Ngày 28/5/2022 khi bị Công an bắt quả tang thì NG bị cáo T tiền xâu được 1.700.000 đồng tại chiếu bạc thứ 01 vị trí phòng ngủ thứ 3.

3. Đỗ CH khai nhận: Vào ngày 23/5/2022 thì NG có điện thoại kêu Chung, Tiên (vợ Chung) đến nhà giữ xe, giữ cửa cho B và NG tổ chức đánh bạc thì Chung đồng ý. Sau đó, B giao ổ khoá, chìa khoá cửa nhà mà B bị cáo Tê cách nhà B khoảng 02 đến 03 căn nhà cho Chung để giữ xe, canh đường. B phân công Chung khi có người đến chơi đánh bài thì dẫn xe cất giữ, dẫn người chơi đợi ở ngoài cửa. Tiên (vợ Chung) ở cửa trong sẽ mở cửa cho người chơi vào tham gia đánh bài ăn tiền rồi khoá cửa lại. Nếu thấy người lạ thì phải dẫn họ vào tới cửa trong (lớp cửa 2) hỏi B, khi thấy quen thì B kêu Tiên mở cửa cho vào. B phân công Tiên ngồi NGy bên trong cửa thứ 2. Khi người chơi đi qua lớp cửa thứ 1, khoảng 02 đến 03 người và quen biết mới mở cửa cho vào, còn lạ mặt hoặc nhiều người thì phải đợi B ra xem đồng ý thì mới mở cửa cho vào. B bị cáo Tê Chung và Tiên mỗi người 200.000 đồng/ngày. Tính đến ngày bị bắt quả tang thì Chung làm được 05 ngày, nhận được 800.000 đồng. Riêng ngày bị bắt quả tang chưa nhận tiền công.

4. Nguyễn KT khai nhận: Khi NG điện thoại kêu Tiên, Chung đến nhà giữ xe, giữ cửa cho B và NG tổ chức đánh bạc thì Tiên đồng ý. B phân công Chung khi có người đến chơi đánh bài thì dẫn xe cất giữ, phân công Tiên ngồi NGy vị trí cửa thứ 2 để đóng, mở cửa cho người đến đánh bạc vào nhà và khoá cửa lại. Nếu người đến tham gia đánh bạc là phụ nữ, đi một mình thì mở cửa cho vào, nếu là người lạ hoặc đi khoảng 02 đến 03 người hoặc nhiều hơn thì phải đợi B ra xem xác nhận người quen hay lạ để mở cửa cho vào. Nếu Chung gặp người lạ bên ngoài thì điện thoại Tiên báo cho B biết để kiểm tra. B bị cáo Tê Tiên, Chung mỗi người 200.000 đồng/ngày, B hoặc NG đưa tiền vào cuối ngày. Tính đến ngày bị bắt quả tang thì Tiên làm được 05 ngày, nhận được 800.000 đồng. Riêng ngày bị bắt quả tang chưa nhận tiền công.

5. Phan B khai nhận: Bích đến nhà B, NG cùng với Chí, Sáu. Khi đi Bích mang theo 26.900.000 đồng. Khi vào phòng ngủ thứ 03 thì có hơn 10 người đang tham gia đánh bạc. Gặp NG nên Bích trả nợ cho NG 10.000.000 đồng, còn 16.900.000 đồng sử dụng hết để tham gia đánh bạc với Đài, Ánh Bị cáo T, Bị cáo T, Phụng, Vàng, Mạnh, L, Bị cáo T, Hường và một số người khác không biết tên. Bích làm tự cái khoảng 06 ván bài, đặt tự khoảng 11 ván bài, mỗi ván bài 500.000 đồng. Khi đang tham gia sát phạt thì lực lượng Công an bắt quả tang, bị cáo T giữ trên người 11.700.000 đồng dùng để đánh bạc, để dưới chiếu bạc 500.000 đồng, gửi 150.000 đồng tiền xâu.

6. Mai C khai nhận: Chí đi cùng Sáu, Bích đến nhà B, NG tham gia đánh bạc. Chí mang theo 1.000.000 đồng, mượn Mai S 5.000.000 đồng sử dụng vào việc cá nhân. Sử dụng 1.000.000 đồng tham gia đánh bạc với Sáu, Bích, Ánh Bì cáo T, Vàng, Bì cáo T và một số người khác không biết tên. Chí tham gia ké tiền vào tụ của con bạc khác khoảng 10 ván bài, mỗi lần ké 200.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Chí bị cáo Ta 400.000 đồng, bị cáo T giữ trên người 5.600.000 đồng, trong đó 600.000 đồng dùng để đánh bạc, 5.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, chưa gửi tiền xâu.

7. Trần Đ khai nhận: Khi đến nhà B, NG thì Đài mang theo 22.500.000 đồng. Sử dụng 2.500.000 đồng tham gia đánh bạc với Bì cáo T, Bì cáo T, Bích, Mạnh, Sáu, Vàng, My, và một số người khác không biết tên. Đài hùn với Thủy làm tụ cái 02 ván bài, đặt tụ khoảng 08 ván bài, mỗi ván 500.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Đài bị cáo Ta 900.000 đồng, để dưới chiếu bạc 500.000 đồng, bị cáo T giữ trên người 21.000.000 đồng. Trong đó 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc, 20.000.000 đồng không sử dụng vào việc đánh bạc, gửi 100.000 đồng tiền xâu.

8. Trần L khai nhận: L đi cùng với Mạnh đến nhà B, NG. L mang theo 25.000.000 đồng, sử dụng 6.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. L đưa cho Lê M 1.500.000 đồng hùn đặt tụ khoảng 10 ván bài và để cho My coi bài. L đi ra sau bếp ăn cơm thì lực lượng Công an bắt quả tang. Bì cáo T giữ trên người 4.500.000 đồng dùng để đánh bạc. Số tiền 19.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, lúc bỏ chạy rút mất.

9. Mai P khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Thị Phụng mang theo số tiền 10.700.000 đồng. Sử dụng 3.700.000 đồng để đánh bạc với P, Sáu, Ánh Bì cáo T, Bì cáo T, Chí và một số người khác không biết tên. Thị Phụng ké tiền vào tụ đặt của con bạc khác được 02 ván bài, mỗi ván 200.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. P không thắng không bị cáo Ta, bị cáo T giữ trên người 10.700.000 đồng. Trong đó 3.700.000 đồng dùng đánh bạc, còn 7.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, chưa gửi tiền xâu.

10. Ngô P khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì P mang theo 27.500.000 đồng. Sử dụng 3.000.000 đồng để tham gia đánh bạc với B, Sáu, A, Bì cáo T, Bì cáo T, M và một số người khác không biết tên. P ké tiền vào tụ đặt của con bạc khác được 03 ván bài, mỗi ván 300.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. P không thắng, không bị cáo Ta. Có 300.000 đồng tiền để dưới chiếu bạc, bị cáo T giữ trên người 27.200.000 đồng. Trong đó 2.700.000 đồng dùng để đánh bạc, còn 24.500.000 đồng không sử dụng đánh bạc, chưa gửi tiền xâu.

11. Mai S khai nhận: Sáu đi cùng Chí, Bích đến nhà B và NG tham gia đánh bạc. Sáu mang theo 19.000.000 đồng. Dự định dùng 12.000.000 đồng trả nợ cho Bị cáo T Ba, nhưng chưa trả và sử dụng số tiền này tham gia đánh bạc, khi nào chơi xong thì trả nợ sau. Cho Chí mượn 5.000.000 đồng, sử dụng hết 14.000.000 đồng để tham gia đánh bạc với Đài, Bị cáo T, Bị cáo T, Bích và một số người không biết tên. Sáu hùn với Bích làm tụ cái 04 vòng (tức 20 ván bài), nhiều đặt tụ, mỗi lần 500.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Sáu thắng 250.000 đồng, bị cáo T giữ 14.250.000 đồng. Trong đó bị cáo T 1.750.000 trên người, 12.500.000 đồng dưới chiếu bạc, gửi 150.000 đồng tiền xâu.

12. Nguyễn V khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Vàng mang theo 14.800.000 đồng. Sử dụng 4.800.000 đồng để tham gia đánh bạc với L, Sáu, My, Mạnh, Bị cáo T, Bích và một số người không biết tên. Vàng nhiều lần ké tiền đặt tụ của con bạc khác. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Vàng thắng 1.200.000 đồng, số tiền 300.000 đồng bị thất lạc khi bị bắt quả tang, bị cáo T giữ trên người 15.700.000 đồng. Trong đó 5.700.000 trên người dùng đánh bạc, 10.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, chưa gửi tiền xâu.

13. Đỗ T khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Bị cáo T mang theo 3.900.000 đồng. Ánh Bị cáo T trả Thủy 70.000.000 đồng tiền hui. Thủy sử dụng 13.900.000 đồng để tham gia đánh bạc với Ánh Bị cáo T, Bích, Sáu, Vàng, Đài và một số người không biết tên. Bị cáo T làm tụ cái 05 ván bài, hùn với Đài làm cái 02 ván bài, đặt tụ 02 ván bài, mỗi ván bài 500.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Bị cáo T thắng 500.000 đồng để dưới chiếu bạc, bị cáo T giữ trên người 73.900.000 đồng. Trong đó 13.900.000 trên người dùng đánh bạc, 60.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, gửi 50.000 đồng tiền xâu.

14. Huỳnh M khai nhận: Mạnh đi cùng L đến nhà B và NG. Mạnh mang theo 116.000.000 đồng. Sử dụng 3.000.000 đồng để tham gia đánh bạc với Bị cáo T, Hường, Bích, Sáu, Bị cáo T và một số người không biết tên. Mạnh ké tiền vào tụ đặt của con bạc khác. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Mạnh thắng 500.000 đồng, bị cáo T giữ trên người 115.500.000 đồng, trong đó 2.700.000 đồng dùng để đánh bạc, 112.800.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Để 300.000 đồng dưới chiếu bạc, chưa gửi xâu.

15. Nguyễn TH khai nhận: Hường đi cùng Phụng đến nhà B và NG tham gia đánh bạc. Hường mang theo 16.750.000 đồng. Sử dụng 4.750.000 đồng để tham gia đánh bạc với Bị cáo T, Mười, Bích, Bị cáo T, Đài, Lam, Mạnh và một

số người không biết tên. Hường đặt tụ khoảng 20 ván bài, mỗi ván bài 200.000 đồng, Mạnh ké vào tụ Hường mỗi ván bài 300.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Hường không thắng, không bị cáo Ta. Có 500.000 đồng tiền để dưới chiếu bạc, bị cáo T giữ trên người 16.250.000 đồng. Trong đó 4.250.000 đồng để đánh bạc, còn số tiền 12.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, chưa gửi tiền xâu.

16. Nguyễn L khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Lam mang theo 20.000.000 đồng. Sử dụng 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc với Mạnh, My, L, Bị cáo T, Bích, Sáu và một số không biết tên. Lam đặt tụ khoảng 20 ván bài, mỗi ván từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, con bạc khác ké vào tụ của Lam cho đủ 500.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Lam có 700.000 đồng để dưới chiếc bạc, bị cáo T giữ trên người 19.500.000 đồng. Trong đó 18.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, 1.500.000 đồng dùng để đánh bạc, không gửi tiền xâu.

17. Đỗ CL khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Liên mang theo 2.600.000 đồng, mua vé số 200.000 đồng. Sử dụng 2.400.000 đồng để tham gia đánh bạc với Vàng và một số người không biết tên. Liên ké tiền vào tụ đặt của con bạc khác 08 ván bài, thì lực lượng Công an bắt quả tang. Liên bị cáo Ta 300.000 đồng, để 100.000 đồng để dưới chiếu bạc, bị cáo T giữ trên người 2.000.000 đồng, chưa gửi tiền xâu.

18. Lê T khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Bị cáo T mang theo 35.000.000 đồng, trả nợ cho Thủy 10.000.000 đồng. Trong lúc tham gia đánh bạc thì người nhà mang xuống 100.000.000 đồng để Bị cáo T trả Thủy 60.000.000 đồng tiền hội, trả nợ NG 20.000.000 đồng. Còn lại tổng cộng 45.000.000 đồng. Bị cáo T sử dụng 12.000.000 đồng để tham gia đánh bạc với Bị cáo T, Sáu, Đài, Vàng, Hường, Mạnh, Lam và một số người không biết tên. Bị cáo T làm tụ cái 10 ván bài, nhiều lần đặt tụ. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Bị cáo T thắng 3.200.000 đồng, bị cáo T giữ trên người 48.200.000 đồng, trong đó 15.200.000 đồng sử dụng đánh bạc, 33.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, gửi 200.000 đồng tiền xâu.

19. Tô PH khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Phụng mang theo 3.000.000 đồng. Sử dụng 3.000.000 đồng để tham gia đánh bạc với Mười, Bích, Bị cáo T, Hường, Đài, Ảnh và một số người không biết tên. Phụng đặt tụ 03 ván bài, mỗi ván bài 500.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Phụng bị cáo Ta 1.500.000 đồng, còn 1.500.000 đồng để dưới chiếu bạc, chưa gửi tiền xâu.

20. Lê M khai nhận: My đi cùng Mạnh, L đến nhà B và NG. My mang theo 2.000.000 đồng. Sử dụng 2.000.000 đồng đánh bạc và L đưa 1.500.000 đồng hùn với My để tham gia đánh bạc với Sáu, Bích, Đài, Ánh Bị cáo T, Bị cáo T và một số người không biết tên. My đặt tụ 10 ván bài, mỗi ván bài 500.000 đồng, nhiều lần ké tiền vào tụ đặt của con bạc khác. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. My thắng 2.300.000 đồng, gửi tiền xâu 100.000 đồng, cất giấu 5.800.000 đồng vào sọt rác. Đến ngày 06/6/2022 Diễm My giao nộp 5.800.000 đồng.

21. Huỳnh N khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Ngó mang theo 4.300.000 đồng. Sử dụng 4.300.000 đồng để tham gia đánh bạc với Cọc, Bị cáo T Ba, Bị cáo T Ánh, Trang và hai người không biết tên. Ngó ké tiền vào tụ đặt của Trang, Bị cáo T Ba 03 ván bài, mỗi ván bài 200.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Ngó không thắng, không bị cáo Ta, số tiền 200.000 đồng tiền để dưới chiếu bạc bị thất lạc, bị cáo T giữ 4.100.000 đồng trên người, chưa gửi tiền xâu.

22. Đỗ TR khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Trang mang theo 1.000.000 đồng. Sử dụng 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc với Cọc, Bị cáo T Ba, Bị cáo T Ánh, Ngó, Tú và một người không biết tên. Trang ké tiền vào tụ đặt của con bạc khác 06 ván bài, mỗi ván bài từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Trang bị cáo Ta 800.000 đồng, số tiền 200.000 đồng dưới chiếu bạc bị thất lạc, chưa gửi tiền xâu.

23. Đỗ A khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Bị cáo T Ánh mang theo 3.300.000 đồng. Sử dụng 1.300.000 đồng để tham gia đánh bạc với Cọc, Trang, Ngó, Bị cáo T Ba và hai người không biết tên. Ánh ké tiền vào tụ cái 05 ván bài, đặt tụ 04 ván bài, mỗi ván bài 100.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Bị cáo T Ánh bị cáo Ta 300.000 đồng, giấu 3.000.000 đồng mang về nhà tiêu xài hết, chưa gửi tiền xâu. Đến ngày 29/6/2022 Ánh giao nộp 1.000.000 đồng.

24. Đỗ B khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Bị cáo T Ba mang theo 15.300.000 đồng. Sử dụng 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc với Cọc, Bị cáo T Ánh, Trang, Ngó, còn hai người đàn ông không biết tên. Bị cáo T Ba vừa đặt tụ, vừa ké tiền vào tụ đặt của con bạc khác 13 ván bài, mỗi ván bài từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Bị cáo T Ba thắng 700.000 đồng, chưa gửi tiền xâu. Bị cáo T giữ trên người 16.000.000 đồng. Trong đó 2.700.000 đồng sử dụng đánh bạc, còn 13.300.000 đồng không sử dụng đánh bạc.

25. Trần Việt Tú khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Tú mang theo 5.000.000 đồng. Sử dụng hết để tham gia đánh bạc với Cọc và vài người nữ không biết tên. Tú làm tụ cái 10 ván bài, nhiều lần đặt tụ. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Tú bị cáo Tả 2.700.000 đồng, còn lại 2.300.000 đồng bỏ túi và chạy thoát, gửi tiền xâu 200.000 đồng. Đến ngày 02/6/2022 Tú giao nộp 2.300.000 đồng.

26. Tiền Cọc khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Cọc mang theo 13.000.000 đồng. Sử dụng 13.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Tại chiếu bạc thứ 01 (vị trí phòng ngủ thứ 03). Cọc ké vào tụ của người nữ không biết tên 500.000 đồng, ké 02 ván bài bị cáo Tả 1.000.000 đồng nên nghỉ.

Tại chiếu bạc thứ 02 (vị trí ở nhà bếp): Cọc tham gia đánh bạc với Tú, Trang, Bị cáo T Ba, Bị cáo T Ảnh, Ngó và một người nữ làm cái không biết tên. Cọc làm tụ cái 10 ván bài, nhiều lần đặt tụ. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Cọc thắng được 2.500.000 đồng, gửi tiền xâu 200.000 đồng. Lúc bắt quả tang Cọc bỏ chạy về nhà. Đến ngày 06/6/2022 Cọc giao nộp 2.500.000 đồng.

27. Lê VT khai nhận: Khi đến nhà B và NG thì Tình mang theo 12.300.000 đồng. Sử dụng 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Tại chiếu bạc thứ 01 (vị trí phòng ngủ thứ 03), Tình ké 200.000 đồng vào tụ bài của một người nữ không biết tên, thắng được 200.000 đồng rồi nghỉ.

Tại chiếu bạc thứ 02 (vị trí ở nhà bếp), Tình tham gia đánh bạc với Cọc, Tú, Trang, Bị cáo T Ba, Ngó và một người nữ không biết tên. Tình nhiều lần đặt tụ. Khi đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang. Tình thắng 800.000 đồng, số tiền 200.000 đồng để dưới chiếu bạc bị thất lạc, bị cáo T giữ trên người 12.900.000 đồng. Trong đó 2.600.000 đồng dùng đánh bạc, còn 10.300.000 đồng không sử dụng đánh bạc, chưa gửi tiền xâu.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền dùng để đánh bạc là 112.300.000 đồng. Trong đó: Tiền trên chiếu bạc: 18.000.000 đồng; Tiền xâu bài: 2.100.000 đồng; Tiền bị cáo T giữ trên người sử dụng vào việc đánh bạc tại chiếu bạc thứ 01 (phòng ngủ số 03): 77.000.000 đồng; Tiền bị cáo T giữ trên người sử dụng vào việc đánh bạc tại chiếu bạc thứ 02 (khu vực bếp ăn): 15.200.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2023/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Mai P, Tô PH, Trần Đ, Lê T phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Mai P 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tô PH03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Đ 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam.

Xử phạt bị cáo Lê T 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24/7/2023 bị cáo Mai P kháng cáo xin hưởng án treo; Ngày 04/8/2023 bị cáo Tô PH kháng cáo xin hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt; Ngày 03/8/2023 bị cáo Trần Đ kháng cáo xin hưởng án treo; Ngày 28/7/2023 bị cáo Lê T kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai P, Tô PH, Trần Đ; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê T; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 28/5/2022, tại ấp 1, xã Q, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, các bị cáo Lê Thanh B, Đỗ NG, Đỗ CH và Nguyễn KT đã tổ chức 02 chiếu bạc cho các con bạc đánh bạc trái phép để bị cáo T tiền xấu. Các bị cáo Phan B, Mai C, Trần Đ, Trần L, Mai P, Ngô P, Mai S, Nguyễn V, Đỗ T, Huỳnh M, Nguyễn TH, Nguyễn L, Đỗ CL, Lê T, Tô PH, Lê M, Huỳnh N, Đỗ TR, Đỗ A, Đỗ B, Trần Việt Tú, Tiền Cọc, Lê VT đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được bị cáo Ta bằng tiền dưới hình thức đánh bài ngẫu hàm với số tiền dùng để đánh bạc chứng minh

được là 112.300.000 đồng. Với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và số tiền dùng đánh bạc chứng minh được, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Mai P, Tô PH, Trần Đ và Lê T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Mai P, Tô PH, Trần Đ và Lê T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Bị cáo Mai P đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa bạc”, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại vi phạm nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp án phí sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm, xét thấy đây là nghĩa vụ bị cáo phải thực hiện, không phải là tình tiết giảm nhẹ mới. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng cũng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[2.3] Bị cáo Tô PH là người có nhân thân xấu, từng có 01 lần bị kết án về hành vi đánh bạc, bị cáo chưa chấp hành xong nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần phải có hình phạt nghiêm để răn đe đối với bị cáo. Đồng thời, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định và mức án 03 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[2.4] Bị cáo Trần Đ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và sau khi xét xử sơ thẩm đã tự nguyện chấp hành nộp án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm; tại cấp phúc thẩm bị cáo có cung cấp chứng cứ chứng minh gia đình của bị cáo có thân nhân có công với cách mạng, là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo là người cao tuổi có nhiều bệnh. Bị cáo Lê T phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ mới là gia đình của bị cáo có thân nhân có công với cách mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Xét thấy, các bị cáo Đ và Bị cáo T đều có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà

nước và của địa phương và đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật nên không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Đvà Bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo Đvà Bị cáo T được hưởng án treo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật và tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú.

[3]. Về án phí:

Các bị cáo Mai P, Tô PH phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

Các bị cáo Trần Đ, Lê T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về kháng cáo:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai P, Tô PH.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Đ, Lê T.

Sửa bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố: Các bị cáo Mai P, Tô PH, Trần Đ và Lê T phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Mai P 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2022 đến ngày 04/7/2022.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Tô PH 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Đ 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (14/6/2024). Giao bị cáo Trần Đ cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (14/6/2024). Giao bị cáo Lê T cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức bị cáo T, miễn, giảm, bị cáo T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Mai P, Tô PH mỗi bị cáo phải chịu 200 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Trần Đ, Lê T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Về các vấn đề khác: Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng bị cáo Mai P đã nộp theo biên lai số 0000502 ngày 27/3/2024 và 200.000 (hai trăm nghìn) đồng bị cáo Trần Đ đã nộp theo biên lai số 0000402 ngày 11/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang và giải quyết trong quá trình thi hành án.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (PV06);
- TAND, VKSND, CQĐT, Chi cục THADS thành phố V;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Nghệ